

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HS-ST

Ngày: 08 - 5 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Hằng
2. Ông Nguyễn Văn Thực

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông
Lê Quang Hưởng - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà,
tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
37/2024/TLST-HS ngày 03/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
41/2024/QĐXXST-HS ngày 15/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số
14/2024/HSST-QĐ ngày 26/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Thị L, sinh ngày 01/01/1976 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi
cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ
văn hóa: 09/12; Con ông Trương Văn D, sinh năm 1954 và bà Trần Thị L1, sinh
năm 1954; Chồng: Trần Hữu H, sinh năm 1974, có 01 con sinh năm 1999; Tiền
án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày
21/02/2024 đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Quang L2, sinh ngày 05/5/1970 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi
cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ
văn hóa: 12/12; Con ông Trần Quang N, sinh năm 1934 và bà Trần Thị H1 (đã
chết); Vợ: Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 2001,
con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi
khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2024 đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Hữu S, sinh ngày 05/6/1974 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi cư
trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt
Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ
văn hóa: 02/12; Con ông Trần Hữu H2 (đã chết) và bà Vũ Thị Ngọc S1, sinh

năm 1949; Vợ: Đặng Thị B, sinh năm 1978, có 01 con sinh năm 2008. Nhân thân: Ngày 07/5/2021, UBND huyện H xử phạt hành chính về hành vi “Dùng nơi ở của mình cho người khác đánh bạc và tham gia đánh bạc sạt phạt nhau bằng tiền”, hình thức phạt tiền; đã chấp hành xong ngày 11/5/2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/01/2024 đến nay, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng:

- Ông Trần Quang S2, sinh năm 1957
- Anh Trần Hữu C, sinh năm 1980
- Anh Trần Hữu N1, sinh năm 1981
- Ông Nguyễn Thiện T, sinh năm 1960
- Ông Trần Quang T1, sinh năm 1959

Đều ở địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình
(Ông S2, anh C, anh N1, ông T, ông T1 đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết Trần Quang L2 và Trần Quang S2 có mở bán số lô, số đề trái phép cho người khác nên khoảng giữa tháng 11 năm 2023, Trương Thị L nảy sinh ý định thu, mua lại bảng số lô, số đề của L2 và S2 để đánh bạc với người chơi. L trực tiếp gặp, thỏa thuận, thống nhất với L2 và S2 chuyển bảng số lô, số đề đã nhận trong ngày cho L để hưởng tiền hoa hồng do L trả là 15% đối với tổng số tiền mua số đề; với số lô là 1.000 đồng/1 điểm lô đã bán. Hàng ngày L2 và S2 bán số lô, số đề cho người chơi sau đó tổng hợp lại và chuyển cho L trước thời gian Kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng. Quy ước với người chơi giá 01 điểm lô là 23.000 đồng, tỷ lệ thắng thua 23/80 (nếu người mua số lô không trúng thì mất số tiền đã mua và nếu trúng thì tính theo số tiền mua, cứ 01 điểm lô là 23.000 đồng thì được 80.000 đồng); đối với số đề tỷ lệ thắng thua 1/80 (nếu người mua số đề không trúng thì mất số tiền đã mua và nếu trúng thì tính theo số tiền mua, cứ 1.000 đồng thì được 80.000 đồng). Kết quả được thua căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền B do Công ty X kiến thiết Miền B mở thưởng vào 18 giờ 15 phút của ngày hôm đó. Quy định trúng “số đề” là người mua số trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt; trúng “số lô” là người mua số trùng với 2 số cuối tất cả các giải của xổ số Miền B1. Khoảng 18 giờ ngày 27/11/2023, L đã trực tiếp đi thu bảng số lô số đề của L2 và S2, cụ thể:

* Giữa Trương Thị L và Trần Quang S2: Khoảng 17 giờ ngày 27/11/2023, Nguyễn Thiện T đến nhà S2 ghi các số đề đầu “0” gồm: 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mỗi số 5.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X kiến thiết Miền Bắc cùng ngày T không trúng. Tổng số tiền T sử dụng đánh bạc là 50.000 đồng. T đã trả tiền Sử. Khoảng 17 giờ ngày 27/11/2023, Trần Quang T1 đến nhà S2 ghi các số đề đuôi “9” gồm: 09, 19, 29, 39, 49, 59, 69, 79, 89, 99 mỗi số 10.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X kiến thiết Miền Bắc cùng ngày T1 không trúng. Tổng số tiền T1 sử dụng đánh bạc là

100.000 đồng. Tạo đã trả tiền Sử. Trần Quang S2 tự mình ghi thêm 02 số lô gồm 38, 83 mỗi số 05 điểm tương ứng với số tiền 230.000 đồng và các số đề đuôi “9” gồm: 09, 19, 29, 39, 49, 59, 69, 79, 89, 99 mỗi số 4.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X thiết kế Miền Bắc cùng ngày S2 không trúng. Sau khi bán số lô, số đề, S2 đã tổng hợp bảng và chuyển toàn bộ cho Trương Thị L. Tổng số tiền xác định L đánh bạc là 420.000 đồng.

* Giữa Trương Thị L và Trần Quang L2: Khoảng 15 giờ ngày 27/11/2023, Trần Hữu C đến nhà L2 ghi các số lô 72, 77, 47 mỗi số 05 điểm tương ứng với số tiền 345.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X thiết kế Miền Bắc cùng ngày C trúng thưởng số điểm 15 điểm tương ứng với số tiền 1.200.000 đồng. Tổng số tiền C sử dụng đánh bạc là 1.545.000 đồng. C và L2 chưa thanh toán tiền thắng thua cho nhau. Khoảng 16 giờ ngày 27/11/2023, Trần Hữu N1 đến nhà L2 ghi các số lô 58, 85, 74, 47 mỗi số 05 điểm tương ứng với số tiền 460.000 đồng và các số đề 58, 50 mỗi số 20.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X thiết kế Miền Bắc cùng ngày N1 trúng thưởng số điểm 05 điểm tương ứng với số tiền 400.000 đồng. Tổng số tiền N1 sử dụng đánh bạc là 900.000 đồng. N1 và L2 chưa thanh toán tiền thắng thua cho nhau. Khoảng 17 giờ ngày 27/11/2023, Trần Hữu S đến nhà L2 ghi các số lô 27, 72, 77, 54, 59 mỗi số 05 điểm tương ứng với số tiền 575.000 đồng và các số đề 57 số tiền 20.000 đồng, số đề 75 số tiền 10.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X thiết kế Miền Bắc cùng ngày S trúng thưởng số điểm 35 điểm tương ứng với số tiền 2.800.000 đồng và số tiền 1.600.000 đồng số đề. Tổng số tiền S sử dụng đánh bạc là 5.005.000 đồng. Ngày 27/11/2023 L2 đã trả S số tiền thắng là 3.795.000 đồng. Trần Quang L2 tự mình ghi thêm 02 số lô gồm 77, 72 mỗi số 05 điểm tương ứng với số tiền 230.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty X thiết kế Miền Bắc cùng ngày L2 trúng 10 điểm tương ứng số tiền 800.000 đồng. Sau khi bán số lô, số đề; L2 đã tổng hợp bảng và chuyển toàn bộ cho Trương Thị L. Tổng số tiền L2 sử dụng đánh bạc là 8.480.000 đồng.

Ngày 28/11/2024 Trương Thị L đã thanh toán thắng thua, tiền hoa hồng với Trần Quang L2 và Trần Quang S2.

Như vậy xác định số tiền đánh bạc của: L là 8.900.000 đồng; L2 là: 8.480.000 đồng; S là: 5.005.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 41/CT-VKSHH ngày 02 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S về tội “Đánh bạc”

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trương

Thị L từ 09 tháng tù đến 01 năm tháng tù được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quang L2 từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù được hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng; tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hữu S từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng; tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung đối với các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

* Về vật chứng vụ án và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 02 tờ lịch ghi các số lô, số đề của L2, quá trình điều tra xác định đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên lưu hồ sơ vụ án.

- Buộc bị cáo Trần Quang L2 nộp lại số tiền 3.165.500 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Hữu S nộp lại số tiền 3.795.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trương Thị L nộp lại số tiền 381.500 đồng sung ngân sách Nhà nước.

* Về án phí : Các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin hưởng mức án thấp nhất và xin cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã

thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo và những người làm chứng đều khai nhận: Ngày 27/11/2024; L2 bán số lô, số đề cho C số tiền 345.000 đồng, C trúng được 1.200.000 đồng; L2 bán số lô, số đề cho N1 số tiền 500.000 đồng, N1 trúng được 400.000 đồng (N, Chung L3 chưa thanh toán tiền đánh, tiền thắng cho nhau); L3 bán số lô, số đề cho S số tiền 605.000 đồng, S trúng được 4.400.000 đồng (L3 đã trả S số tiền 3.795.000 đồng); ngoài ra L3 còn tự mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 230.000 đồng, trúng được số tiền 800.000 đồng. Sau đó L3 chuyển hết số lô, số đề trên cho L, tổng số tiền L3 đánh bạc là 8.480.000 đồng; số tiền S đánh bạc là 5.005.000 đồng. Ngày 27/11/2024; ông S2 bán số lô, số đề cho ông T số tiền 50.000 đồng, ông T đã trả ông S2 số tiền 50.000 đồng; bán số lô, số đề cho ông T1 số tiền 100.000 đồng, ông T1 đã trả ông S2 số tiền 100.000 đồng; ngoài ra ông S2 còn tự mua các số lô, số đề với tổng số tiền là 270.000 đồng. Sau đó ông S2 chuyển hết số lô, số đề trên cho L; tổng số tiền L đánh bạc là 8.900.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, đều thống nhất và là chứng cứ buộc tội cho nhau; phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; báo cáo của Công an xã H; bản kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày 27/11/2023, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự: Tội đánh bạc.

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

[3] Đánh giá tính chất, hậu quả vụ án thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, tệ nạn cờ bạc đã gây sự chia rẽ, ly tán đối với nhiều gia đình, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Việc đưa các bị cáo ra xét xử và áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi, hậu quả vụ án của các bị cáo là phù hợp pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; Hội đồng xét xử căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ tham gia phạm tội để quyết định mức hình phạt tương ứng với từng bị cáo.

[5] Các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S nhận thức pháp luật hạn chế, số tiền đánh bạc không lớn, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo L2 có thời gian tham gia Q1; mặt khác các bị cáo L, L2, S đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy không cần thiết buộc các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội. Áp dụng khoản 1, khoản 2 điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo L, L2, S được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[6] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, do vậy áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt bị cáo L, L2, S mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước;

[7] Ngoài hành vi đánh bạc nêu trên, các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2 và Trần Quang S2 khai nhận: Ngoài hành vi đánh bạc ngày 27/11/2023, cách đó khoảng 01 tuần L, S2, L2 thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề nhưng do mới mở không có khách chỉ có một vài khách qua đường, số tiền đánh ít (từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng) không nhớ cụ thể là ai đánh, số tiền đánh và con số đã đánh nên không có căn cứ giải quyết trong vụ án.

[7.1] Đối với số tiền đánh bạc của các bị cáo L, L2, S trong ngày 27/11/2023 trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 20.000.000 đồng và số người tham gia đánh bạc dưới 10 người nên hành vi của Trương Thị L, Trần Quang L2 và Trần Hữu S không phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

[7.2] Ông Trần Quang S2, anh Trần Hữu C, anh Trần Hữu N1, ông Nguyễn Thiện T, ông Trần Quang T1 có hành vi mua bán trái phép các số lô, số đề vào ngày 27/11/2023 với số tiền dưới 5.000.000 đồng; quá trình điều tra xác định ông S2, anh C, anh N1, ông T, ông T1 chưa bị xử phạt hành chính, xử lý hình sự về tội “Đánh bạc” và “tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông S2, anh C, anh N1, ông T, ông T1 theo Điểm b Khoản 3, Khoản 1 Điều 28 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/ 2021 của Chính Phủ là đúng pháp luật.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

[8.1] Đối với 02 tờ lịch ghi các số lô, số đề của L2, xác định đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên lưu hồ sơ vụ án.

[8.2] Số tiền L2 đánh bạc với anh C, anh N1 là 2.445.000 đồng (chưa thanh toán cho nhau); số tiền L2 đánh bạc với S là 5.005.000 đồng (L2 đã thanh toán cho S số tiền thắng là 3.795.000 đồng) và tự đánh lô, đề với số tiền là 1.030.000 đồng và được hưởng hoa hồng với số tiền 80.500 đồng; sau đó L2 chuyển hết các số lô, số đề và số tiền 1.680.000 đồng cho L; L đã đối trừ số tiền đánh và số tiền thắng và tiền hoa hồng cho L2. Các anh C, N1 đã bị truy thu số tiền đánh bạc với L2 trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; do vậy buộc

bị cáo L2 nộp lại số tiền 3.165.500 đồng; buộc bị cáo S phải nộp lại số tiền 3.795.000 đồng.

[8.3] Số tiền L đánh bạc với ông S2 là 420.000 đồng (ông S2 đã chuyển hết số lô, số đề và tiền cho L); L đã đối trừ tiền đánh và thanh toán số tiền hoa hồng 38.500 đồng cho ông S2; do vậy buộc bị cáo L phải nộp lại số tiền 381.500 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo L, L2, S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Trương Thị L: 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Quang L2: 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Hữu S: 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu hồ sơ vụ án 02 tờ lịch ghi các số lô, số đề của L2.

- Buộc bị cáo Trương Thị L phải nộp lại số tiền 381.000 đồng (làm tròn) sung ngân sách Nhà nước

- Buộc bị cáo Trần Quang L2 nộp lại số tiền 3.165.000 đồng (làm tròn) sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Hữu S nộp lại số tiền 3.795.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo Trương Thị L, Trần Quang L2, Trần Hữu S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác